

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 701

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Giá trị của biểu thức $5^7 \cdot \frac{1}{5^5}$ là

- A. 10. B. 25. C. 1. D. 25^2 .

Câu 2. Số mặt của hình lập phương là

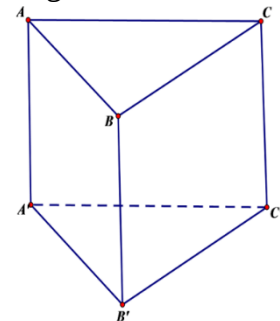
- A. 6. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 3. Phép tính nào sau đây **không đúng**?

- A. $(x^3)^4 = x^{12}$. B. $x^2 \cdot x^6 = x^{12}$.
C. $x^4 \cdot x^8 = x^{12}$. D. $x^{18} : x^6 = x^{12} (x \neq 0)$.

Câu 4. Cho hình lăng trụ đứng như hình vẽ. Mặt đáy của hình lăng trụ đứng là

- A. AA'BB'. B. ABC.
C. BCC'B'. D. ACC'A'.



Câu 5. Trong các câu sau hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 2 < 1,5$.
B. $\frac{-1}{2} < \frac{-3}{2} < 0 < 1,5 < 2$.
C. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 1,5 < 2$.
D. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 1,5 < 0 < 2$.

Câu 6. Giá trị của biểu thức $\sqrt{2^2 \cdot 3 + 20} : 5$ bằng

- A. 16. B. -16. C. -4. D. 4.

Câu 7. Số cạnh của hình hộp chữ nhật là

- A. 12. B. 13. C. 11. D. 10.

Câu 8. Khẳng định nào dưới đây là **đúng**?

- A. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
B. Hai góc đối đỉnh thì kề nhau.
C. Hai góc đối đỉnh thì bù nhau.
D. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

Câu 9. Trong các cặp góc sau cặp góc bù nhau là

- A. 180° và 180° . B. 50° và 40° . C. 105° và 75° . D. 120° và 80° .

Câu 10. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2}{5}\right)^9 : \left(\frac{2}{5}\right)^5$ bằng

- A. $\left(\frac{2}{5}\right)^3$. B. $\left(\frac{2}{5}\right)^4$. C. $\left(\frac{2}{5}\right)^5$. D. $\left(\frac{2}{5}\right)^2$.

Câu 11. Chọn khẳng định đúng

- A. $\frac{3}{-4} \in \mathbb{Z}$. B. $\frac{-3}{5} \notin \mathbb{Q}$. C. $0,5 \in \mathbb{N}$. D. $-1 \in \mathbb{Q}$.

Câu 12. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

- A. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$. B. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$. C. $[] \rightarrow \{\} \rightarrow ()$. D. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

Câu 13. Các mặt bên của một hình lăng trụ đứng tứ giác là hình gì?

- A. Tam giác. B. Hình chữ nhật. C. Hình vuông. D. Tứ giác.

Câu 14. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-11}{15}$ là

A. $\frac{-15}{11}$.

B. $\frac{15}{11}$.

C. $\frac{15}{-11}$.

D. $\frac{11}{15}$.

Câu 15. Giá trị của biểu thức $M = -\sqrt{81}$ là

A. 9.

B. 9 hoặc -9.

C. ± 9 .

D. -9.

Câu 16. Căn bậc hai số học của 64 là

A. $\frac{-1}{8}$.

B. 8.

C. 8 và -8.

D. -8.

Câu 17. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5} - x = \frac{1}{3}$ bằng

A. $\frac{7}{30}$.

B. $\frac{1}{15}$.

C. $\frac{11}{15}$.

D. $\frac{-1}{15}$.

Câu 18. Cặp góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{mAn}$ phụ nhau. Nếu $\widehat{mAn} = 58^\circ$ thì số đo của góc $\widehat{xOy}$ bằng

A. 42° .

B. 58° .

C. 122° .

D. 32° .

Câu 19. Kết quả của phép tính $\frac{-6}{8} + \frac{12}{16} \cdot \frac{1}{6}$ là

A. -1.

B. $\frac{-5}{8}$.

C. 0.

D. $\frac{-18}{16}$.

Câu 20. Số nào dưới đây là số vô tỉ?

A. 0, (121).

B. 0,163464298233...

C. $\frac{-2}{3}$.

D. $\sqrt{144}$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{1}{2} \cdot \frac{3}{11} + \frac{3}{2} \cdot \frac{8}{11}$;

b) $\frac{3}{8} + \left(\frac{1}{2}\right)^{12} : \left(\frac{1}{2}\right)^{10}$.

Câu 22. (1,5 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{2} : x = -\frac{1}{5}$;

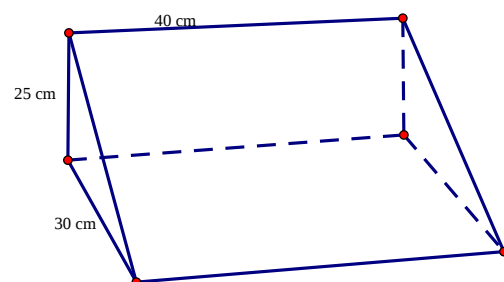
b) $2(3 - 2x)^2 - 7 = 43$.

Câu 23. (1,0 điểm)

Nhà bạn An đang tiến hành làm một con dốc bằng bê tông để dẫn xe vào nhà có hình lăng trụ đứng tam giác vuông, có kích thước như hình vẽ.

a) Hãy tính thể tích của hình lăng trụ đứng trên

b) Hãy tính chi phí để đúc con dốc biết để làm 1 m^3 bê tông hết 900000 đồng



Câu 24. (0,5 điểm)

Một chủ cửa hàng đã nhập 800 cái điện thoại với giá 8 triệu đồng mỗi cái. Ông đã bán 530 cái với giá 10,7 triệu đồng một cái. Sau đó ông giảm giá để bán hết số điện thoại còn lại. Hỏi ông phải bán mỗi cái điện thoại còn lại giá bao nhiêu triệu đồng để lợi nhuận đạt tỉ lệ 20%? (làm tròn kết quả với độ chính xác 0,05)

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 702

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Giá trị của biểu thức $5^7 \cdot \frac{1}{5^5}$ là

- A. 10. B. 25^2 . C. 1. D. 25.

Câu 2. Cặp góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{mAn}$ phụ nhau. Nếu $\widehat{mAn} = 58^\circ$ thì số đo của góc $\widehat{xOy}$ bằng

- A. 42° . B. 32° . C. 122° . D. 58° .

Câu 3. Căn bậc hai số học của 64 là

- A. $\frac{-1}{8}$. B. 8 và -8. C. 8. D. -8.

Câu 4. Khẳng định nào dưới đây là **đúng**?

- A. Hai góc đối đỉnh thì bù nhau. B. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau. D. Hai góc đối đỉnh thì kề nhau.

Câu 5. Số nào dưới đây là số vô tỉ?

- A. 0,163464298233... B. $\frac{-2}{3}$. C. $\sqrt{144}$. D. 0, (121).

Câu 6. Chọn khẳng định đúng

- A. $\frac{-3}{5} \notin Q$. B. $0,5 \in N$. C. $-1 \in Q$. D. $\frac{3}{-4} \in Z$.

Câu 7. Số mặt của hình lập phương là

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 8. Trong các cặp góc sau cặp góc bù nhau là

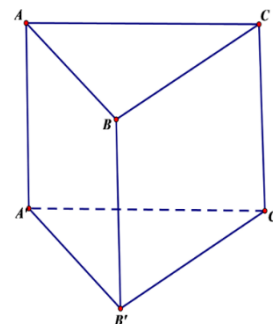
- A. 105° và 75° . B. 120° và 80° . C. 50° và 40° . D. 180° và 180° .

Câu 9. Phép tính nào sau đây **không đúng**?

- A. $x^4 \cdot x^8 = x^{12}$. B. $x^2 \cdot x^6 = x^{12}$.
C. $x^{18} : x^6 = x^{12} (x \neq 0)$. D. $(x^3)^4 = x^{12}$.

Câu 10. Cho hình lăng trụ đứng như hình vẽ. Mặt đáy của hình lăng trụ đứng là

- A. AA'BB'. B. ABC.
C. BCC'B'. D. ACC'A'.



Câu 11. Các mặt bên của một hình lăng trụ đứng tứ giác là hình gì?

- A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật.
C. Tam giác. D. Tứ giác.

Câu 12. Giá trị của biểu thức $\sqrt{2^2 \cdot 3 + 20} : 5$ bằng

- A. 16. B. -4. C. 4. D. -16.

Câu 13. Kết quả của phép tính $\frac{-6}{8} + \frac{12}{16} \cdot \frac{1}{6}$ là

- A. 0. B. $\frac{-5}{8}$. C. $\frac{-18}{16}$. D. -1.

Câu 14. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2}{5}\right)^9 : \left(\frac{2}{5}\right)^5$ bằng

- A. $\left(\frac{2}{5}\right)^5$. B. $\left(\frac{2}{5}\right)^2$. C. $\left(\frac{2}{5}\right)^4$. D. $\left(\frac{2}{5}\right)^3$.

Câu 15. Trong các câu sau hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 1,5 < 0 < 2$. B. $\frac{-1}{2} < \frac{-3}{2} < 0 < 1,5 < 2$.

C. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 2 < 1,5$.

D. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 1,5 < 2$.

Câu 16. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5} - x = \frac{1}{3}$ bằng

A. $\frac{11}{15}$.

B. $\frac{-1}{15}$.

C. $\frac{7}{30}$.

D. $\frac{1}{15}$.

Câu 17. Số cạnh của hình hộp chữ nhật là

A. 11.

B. 13.

C. 12.

D. 10.

Câu 18. Giá trị của biểu thức $M = -\sqrt{81}$ là

A. -9.

B. 9 hoặc -9.

C. 9.

D. ± 9 .

Câu 19. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-11}{15}$ là

A. $\frac{11}{15}$.

B. $\frac{15}{11}$.

C. $\frac{15}{-11}$.

D. $\frac{-15}{11}$.

Câu 20. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

A. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

B. $[] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$.

C. $[] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$.

D. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{1}{2} \cdot \frac{3}{11} + \frac{3}{2} \cdot \frac{8}{11}$;

b) $\frac{3}{8} + \left(\frac{1}{2}\right)^{12} : \left(\frac{1}{2}\right)^{10}$.

Câu 22. (1,5 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{2} : x = -\frac{1}{5}$;

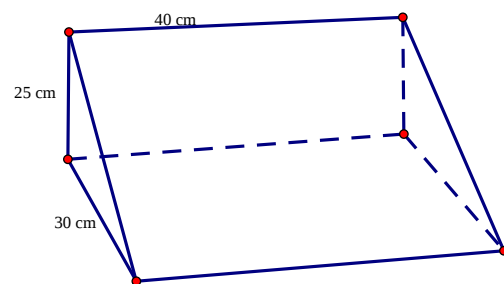
b) $2(3 - 2x)^2 - 7 = 43$.

Câu 23. (1,0 điểm)

Nhà bạn An đang tiến hành làm một con dốc bằng bê tông để dẫn xe vào nhà có hình lăng trụ đứng tam giác vuông, có kích thước như hình vẽ.

a) Hãy tính thể tích của hình lăng trụ đứng trên

b) Hãy tính chi phí để đúc con dốc biết để làm 1 m^3 bê tông hết 900000 đồng



Câu 24. (0,5 điểm)

Một chủ cửa hàng đã nhập 800 cái điện thoại với giá 8 triệu đồng mỗi cái. Ông đã bán 530 cái với giá 10,7 triệu đồng một cái. Sau đó ông giảm giá để bán hết số điện thoại còn lại. Hỏi ông phải bán mỗi cái điện thoại còn lại giá bao nhiêu triệu đồng để lợi nhuận đạt tỉ lệ 20%? (làm tròn kết quả với độ chính xác 0,05)

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 703

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Trong các cặp góc sau cặp góc bù nhau là

- A. 180° và 180° . B. 50° và 40° . C. 120° và 80° . D. 105° và 75° .

Câu 2. Giá trị của biểu thức $5^7 \cdot \frac{1}{5^5}$ là

- A. 25^2 . B. 10. C. 25. D. 1.

Câu 3. Số cạnh của hình hộp chữ nhật là

- A. 12. B. 10. C. 13. D. 11.

Câu 4. Căn bậc hai số học của 64 là

- A. -8. B. 8. C. $-\frac{1}{8}$. D. 8 và -8.

Câu 5. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5} - x = \frac{1}{3}$ bằng

- A. $\frac{1}{15}$. B. $\frac{7}{30}$. C. $\frac{11}{15}$. D. $-\frac{1}{15}$.

Câu 6. Giá trị của biểu thức $\sqrt{2^2 \cdot 3 + 20} : 5$ bằng

- A. -4. B. 16. C. 4. D. -16.

Câu 7. Giá trị của biểu thức $M = -\sqrt{81}$ là

- A. ± 9 . B. -9. C. 9 hoặc -9. D. 9.

Câu 8. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2}{5}\right)^9 : \left(\frac{2}{5}\right)^5$ bằng

- A. $\left(\frac{2}{5}\right)^5$. B. $\left(\frac{2}{5}\right)^2$. C. $\left(\frac{2}{5}\right)^3$. D. $\left(\frac{2}{5}\right)^4$.

Câu 9. Cặp góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{mAn}$ phụ nhau. Nếu $\widehat{mAn} = 58^\circ$ thì số đo của góc $\widehat{xOy}$ bằng

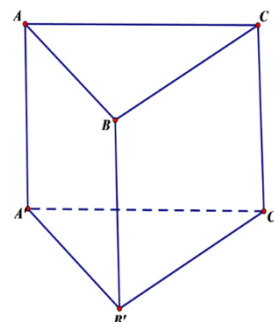
- A. 58° . B. 32° . C. 42° . D. 122° .

Câu 10. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

- A. $[] \rightarrow () \rightarrow \{\}$. B. $() \rightarrow [] \rightarrow \{\}$. C. $[] \rightarrow \{\} \rightarrow ()$. D. $\{\} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

Câu 11. Cho hình lăng trụ đứng như hình vẽ. Mặt đáy của hình lăng trụ đứng là

- A. $ACC'A'$. B. $AA'BB'$.
C. $BCC'B'$. D. ABC .



Câu 12. Phép tính nào sau đây **không đúng**?

- A. $x^{18} : x^6 = x^{12} (x \neq 0)$. B. $x^2 \cdot x^6 = x^{12}$.
C. $(x^3)^4 = x^{12}$. D. $x^4 \cdot x^8 = x^{12}$.

Câu 13. Các mặt bên của một hình lăng trụ đứng tứ giác là hình gì?

- A. Hình vuông. B. Hình chữ nhật. C. Tam giác. D. Tứ giác.

Câu 14. Số nào dưới đây là số vô tỉ?

- A. 0,163464298233... B. 0, (121). C. $-\frac{2}{3}$. D. $\sqrt{144}$.

Câu 15. Trong các câu sau hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 1,5 < 0 < 2$. B. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 1,5 < 2$.
C. $\frac{-1}{2} < \frac{-3}{2} < 0 < 1,5 < 2$. D. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 2 < 1,5$.

Câu 16. Số mặt của hình lập phương là

A. 5.

B. 4.

C. 3.

D. 6.

Câu 17. Khẳng định nào dưới đây là **đúng**?

A. Hai góc đối đỉnh thì kề nhau.

C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.

B. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.

D. Hai góc đối đỉnh thì bù nhau.

Câu 18. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-11}{15}$ là

A. $\frac{15}{-11}$.

B. $\frac{11}{15}$.

C. $\frac{15}{11}$.

D. $\frac{-15}{11}$.

Câu 19. Kết quả của phép tính $\frac{-6}{8} + \frac{12}{16} \cdot \frac{1}{6}$ là

A. 0.

B. $\frac{-18}{16}$.

C. $\frac{-5}{8}$.

D. -1.

Câu 20. Chọn khẳng định đúng

A. $\frac{-3}{5} \notin Q$.

B. $0,5 \in N$.

C. $-1 \in Q$.

D. $\frac{3}{-4} \in Z$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{1}{2} \cdot \frac{3}{11} + \frac{3}{2} \cdot \frac{8}{11}$;

b) $\frac{3}{8} + \left(\frac{1}{2}\right)^{12} : \left(\frac{1}{2}\right)^{10}$.

Câu 22. (1,5 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{2} : x = -\frac{1}{5}$;

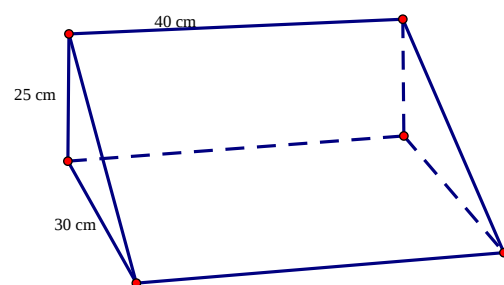
b) $2(3 - 2x)^2 - 7 = 43$.

Câu 23. (1,0 điểm)

Nhà bạn An đang tiến hành làm một con dốc bằng bê tông để dẫn xe vào nhà có hình lăng trụ đứng tam giác vuông, có kích thước như hình vẽ.

a) Hãy tính thể tích của hình lăng trụ đứng trên

b) Hãy tính chi phí để đúc con dốc biết để làm 1 m³ bê tông hết 900000 đồng



Câu 24. (0,5 điểm)

Một chủ cửa hàng đã nhập 800 cái điện thoại với giá 8 triệu đồng mỗi cái. Ông đã bán 530 cái với giá 10,7 triệu đồng một cái. Sau đó ông giảm giá để bán hết số điện thoại còn lại. Hỏi ông phải bán mỗi cái điện thoại còn lại giá bao nhiêu triệu đồng để lợi nhuận đạt tỉ lệ 20%? (làm tròn kết quả với độ chính xác 0,05)

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 704

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Câu 1. Giá trị của biểu thức $\sqrt{2^2 \cdot 3 + 20} : 5$ bằng

- A. - 4. B. - 16. C. 16. D. 4.

Câu 2. Số mặt của hình lập phương là

- A. 3. B. 5. C. 4. D. 6.

Câu 3. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5} - x = \frac{1}{3}$ bằng

- A. $\frac{7}{30}$. B. $\frac{1}{15}$. C. $-\frac{1}{15}$. D. $\frac{11}{15}$.

Câu 4. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. Hai góc đối đỉnh thì kề nhau. B. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.
C. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau. D. Hai góc đối đỉnh thì bù nhau.

Câu 5. Chọn khẳng định đúng

- A. $\frac{3}{-4} \in \mathbb{Z}$. B. $-\frac{3}{5} \notin \mathbb{Q}$. C. $0,5 \in \mathbb{N}$. D. $-1 \in \mathbb{Q}$.

Câu 6. Cặp góc $\widehat{xOy}$ và $\widehat{mAn}$ phụ nhau. Nếu $\widehat{mAn} = 58^\circ$ thì số đo của góc $\widehat{xOy}$ bằng

- A. 32° . B. 42° . C. 58° . D. 122° .

Câu 7. Trong các câu sau hãy chọn câu đúng?

- A. $\frac{-1}{2} < \frac{-3}{2} < 0 < 1,5 < 2$. B. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 1,5 < 0 < 2$.
C. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 1,5 < 2$. D. $\frac{-3}{2} < \frac{-1}{2} < 0 < 2 < 1,5$.

Câu 8. Thứ tự thực hiện phép tính trên tập số hữu tỉ nào sau đây là đúng đối với biểu thức có dấu ngoặc?

- A. $[\] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$. B. $[\] \rightarrow () \rightarrow \{ \}$. C. $() \rightarrow [\] \rightarrow \{ \}$. D. $\{ \} \rightarrow [\] \rightarrow ()$.

Câu 9. Kết quả của phép tính $\frac{-6}{8} + \frac{12}{16} \cdot \frac{1}{6}$ là

- A. $\frac{-18}{16}$. B. 0. C. $\frac{-5}{8}$. D. -1.

Câu 10. Giá trị của biểu thức $M = -\sqrt{81}$ là

- A. 9 hoặc -9. B. 9. C. -9. D. ± 9 .

Câu 11. Số nào dưới đây là số vô tỉ?

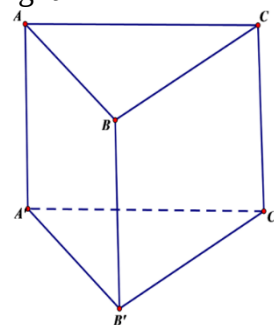
- A. $\frac{-2}{3}$. B. 0, (121). C. 0,163464298233... D. $\sqrt{144}$.

Câu 12. Trong các cặp góc sau cặp góc bù nhau là

- A. 120° và 80° . B. 50° và 40° . C. 105° và 75° . D. 180° và 180° .

Câu 13. Cho hình lăng trụ đứng như hình vẽ. Mặt đáy của hình lăng trụ đứng là

- A. ACC'A'. B. AA'BB'.
C. ABC. D. BCC'B'.



Câu 14. Căn bậc hai số học của 64 là

- A. 8. B. - 8.
C. 8 và -8. D. $-\frac{1}{8}$.

Câu 15. Số cạnh của hình hộp chữ nhật là

- A. 12. B. 10. C. 13. D. 11.

Câu 16. Các mặt bên của một hình lăng trụ đứng tứ giác là hình gì?

A. Hình vuông.

B. Hình chữ nhật.

C. Tam giác.

D. Tứ giác.

Câu 17. Kết quả của phép tính $\left(\frac{2}{5}\right)^9 : \left(\frac{2}{5}\right)^5$ bằng

A. $\left(\frac{2}{5}\right)^4$.

B. $\left(\frac{2}{5}\right)^3$.

C. $\left(\frac{2}{5}\right)^2$.

D. $\left(\frac{2}{5}\right)^5$.

Câu 18. Phép tính nào sau đây **không đúng**?

A. $x^2 \cdot x^6 = x^{12}$.

B. $x^{18} : x^6 = x^{12} (x \neq 0)$.

C. $(x^3)^4 = x^{12}$.

D. $x^4 \cdot x^8 = x^{12}$.

Câu 19. Giá trị của biểu thức $5^7 \cdot \frac{1}{5^5}$ là

A. 10.

B. 25^2 .

C. 25.

D. 1.

Câu 20. Số đối của số hữu tỉ $\frac{-11}{15}$ là

A. $\frac{-15}{11}$.

B. $\frac{15}{-11}$.

C. $\frac{11}{15}$.

D. $\frac{15}{11}$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21. (2,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $1\frac{1}{2} \cdot \frac{3}{11} + \frac{3}{2} \cdot \frac{8}{11}$;

b) $\frac{3}{8} + \left(\frac{1}{2}\right)^{12} : \left(\frac{1}{2}\right)^{10}$.

Câu 22. (1,5 điểm) Tìm x biết

a) $\frac{1}{3} + \frac{1}{2} : x = -\frac{1}{5}$;

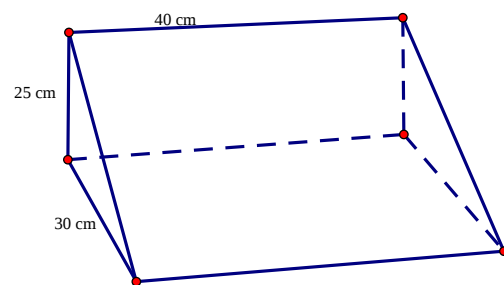
b) $2(3 - 2x)^2 - 7 = 43$.

Câu 23. (1,0 điểm)

Nhà bạn An đang tiến hành làm một con dốc bằng bê tông để dẫn xe vào nhà có hình lăng trụ đứng tam giác vuông, có kích thước như hình vẽ.

a) Hãy tính thể tích của hình lăng trụ đứng trên

b) Hãy tính chi phí để đúc con dốc biết để làm 1 m^3 bê tông hết 900000 đồng



Câu 24. (0,5 điểm)

Một chủ cửa hàng đã nhập 800 cái điện thoại với giá 8 triệu đồng mỗi cái. Ông đã bán 530 cái với giá 10,7 triệu đồng một cái. Sau đó ông giảm giá để bán hết số điện thoại còn lại. Hỏi ông phải bán mỗi cái điện thoại còn lại giá bao nhiêu triệu đồng để lợi nhuận đạt tỉ lệ 20%? (làm tròn kết quả với độ chính xác 0,05)

-----Hết-----

Cán bộ coi không giải thích gì thêm.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

(Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm)

Câu Mã đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
701	B	A	B	B	C	D	A	D	C	B	D	A	B	D	D	B	B	D	B	B
702	D	B	C	C	A	C	C	A	B	B	B	C	B	C	D	D	C	A	A	D
703	D	C	A	B	A	C	B	D	B	B	D	B	B	A	B	D	C	B	C	C
704	D	D	B	C	D	A	C	C	C	C	C	C	C	A	A	B	A	A	C	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn, tóm tắt lời giải	Điểm
Câu 21		2,0 điểm
a)	$1\frac{1}{2} \cdot \frac{3}{11} + \frac{3}{2} \cdot \frac{8}{11} = \frac{3}{2} \cdot \frac{3}{11} + \frac{3}{2} \cdot \frac{8}{11}$ $= \frac{3}{2} \cdot \left(\frac{3}{11} + \frac{8}{11} \right)$ $= \frac{3}{2} \cdot 1 = \frac{3}{2}$	0,25 0,5 0,25
b)	$\frac{3}{8} + \left(\frac{1}{2} \right)^{12} : \left(\frac{1}{2} \right)^{10} = \frac{3}{8} + \left(\frac{1}{2} \right)^2$ $= \frac{3}{8} + \frac{1}{4}$ $= \frac{3+2}{8} = \frac{5}{8}$	0,5 0,25 0,25
Câu 22		1,5 điểm
a)	$\frac{1}{3} + \frac{1}{2} : x = -\frac{1}{5}$ $\frac{1}{2} : x = -\frac{1}{5} - \frac{1}{3}$ $\frac{1}{2} : x = \frac{-8}{15}$ $x = \frac{1}{2} : \frac{-8}{15} = \frac{-15}{16}$ Vậy $x = \frac{-15}{16}$	0,25 0,25 0,25
b)	$2(3 - 2x)^2 - 7 = 43$ $2(3 - 2x)^2 = 50$ $(3 - 2x)^2 = 25$ $3 - 2x = 5 \text{ hoặc } 3 - 2x = -5$ $x = -1 \text{ hoặc } x = 4$ Vậy $x = -1 \text{ hoặc } x = 4$	0,25 0,25 0,25

Câu 23		1,0 điểm
a)	Tính đúng thể tích bằng 15000 cm^3	0,5
b)	Đổi $15000 \text{ cm}^3 = 0,015 \text{ m}^3$ Tính đúng chi phí để làm con dốc bằng 13 500 đồng	0,25 0,25
Câu 24		0,5 điểm
	Tổng số tiền nhập 800 cái điện thoại là: $800 \cdot 8 = 6400$ (triệu đồng) Số tiền sau khi bán hết 800 cái điện thoại và đạt lợi nhuận 20% là: $6400 + 6400 \cdot 20\% = 7680$ (triệu đồng) Sau khi bán 530 chiếc điện thoại, tổng số tiền đã bán số còn lại là: $7680 - 530 \cdot 10,7 = 2009$ (triệu đồng) Giá bán của mỗi chiếc điện thoại còn lại để lợi nhuận đạt 20% làm tròn với độ chính xác 0,05 là: $2009 : (800 - 530) \approx 7,4$ (triệu đồng) Vậy giá bán của mỗi chiếc điện thoại còn lại (với độ chính xác 0,05) để đạt lợi nhuận 20% là xấp xỉ 7,4 triệu đồng.	0,25 0,25
Tổng		5,0 điểm

*** Lưu ý khi chấm bài:**

- Trên đây chỉ là sơ lược các bước giải, lời giải của học sinh cần lập luận chặt chẽ, hợp logic. Nếu học sinh trình bày cách làm đúng khác thì cho điểm các phần theo thang điểm tương ứng.

- Điểm toàn bài không được làm tròn.

-----*^*^*-----